TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **36** /2024/QĐST-DS	*Châu Thành, ngày 22 tháng 03 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 318/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đinh Thanh P; sinh năm: 1955;

Bà Huỳnh Thị T; sinh năm: 1959

Địa chỉ: số 334 ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn Sua, sinh năm 1965

Địa chỉ: 456/1, A, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: 1/Ông Trần Văn D; Sinh năm: 1961

2/Bà Phạm Thị Bé H; sinh năm 1966

Địa chỉ: số 30 ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre ;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Bé H: ông Hồ Văn C, sinh năm 1968;

Địa chỉ: 146D, khu phố L, phường C, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3/Ông Trần Văn T2, sinh năm: 1966

Địa chỉ: số 43 ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Trần Văn D, bà Phạm Thị Bé H và ông Trần Văn T2 có nghĩa vụ di dời lối đi tại vị trí thửa 130-1, trụ đồng hồ nước tại vị trí thửa 130-5, các trụ điện tại vị trí thửa 130-2 để trả lại cho ông Đinh Thanh P, bà Huỳnh Thị T thửa đất 130-1, 130-2 thuộc một phần thửa 130 tờ bản đồ 04 do ông P, bà T đứng tên giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất phần đất tọa lạc tại xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chi phí di dời tài sản, Ông D, bà Hai, ông T2 có nghĩa vụ tự chịu.

Ghi nhận ông P, bà T tự nguyện cho ông Trần Văn D, bà Phạm Thị Bé H và ông Trần Văn T2 được di dời lối đi từ vị trí thửa 130-1, trụ đồng hồ nước tại vị trí thửa 130-5, các trụ điện tại vị trí thửa 130-2 sang lối đi mới tại thửa đất 130-4 và 130-6 thuộc một phần thửa 130 tờ bản đồ 04 do ông P, bà T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất tọa lạc tại xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Ông Trần Văn D, bà Phạm Thị Bé H và ông Trần Văn T2 có nghĩa vụ đền bù giá trị đất tại thửa 130-4 và 130-6 cho ông P, bà T với số tiền là 33.550.00đồng (ba mươi ba triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

Ghi nhận ông P, bà T đồng ý cho bị đơn được quyền tiếp tục sử dụng lối đi cũ tại thửa 130-1 trong thời gian 03 tháng để các đồng bị đơn có thời gian hoàn trả giá trị đất, di dời lối đi, di dời trụ điện, trụ chứa đồng hồ nước và cải tạo lối đi mới.

Ghi nhận ông P, bà T không yêu cầu Ông Trần Văn D, bà Phạm Thị Bé H và ông Trần Văn T2 hoàn trả giá trị cây trồng tại thửa đất 130-4.

Ông P, bà T được quyền sử dụng phần đường đan tại thửa 130-1 mà không phải đền bụ giá trị do ông Trần Văn D, bà Phạm Thị Bé H và ông Trần Văn T2 tự nguyện không yêu cầu.

(*có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo*)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Ông P bà T phải chịu án phí là 150.000 đồng nhưng do là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Ông Trần Văn D, bà Phạm Thị Bé H và ông Trần Văn T2 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm hòa giải thành không có giá ngạch là 150.000 đồng; do ông D, bà Hai là người cao tuổi nên được miễn án phí; ông T2 phải chịu án phí là 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch hòa giải thành ông Trần Văn D, bà Phạm Thị Bé H và ông Trần Văn T2 phải liên đới chịu là 838.750 đồng. Do ông D, bà Hai là người cao tuổi nên được miễn án phí; ông T2 phải chịu án phí là 279.583đồng.

Tổng cộng ông Trần Văn T2 phải nộp số tiền án phí là 329.583 đồng nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001801 ngày 02/01/2024 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Ông T2 còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 29.583 đồng (*hai mươi chín ngàn năm trăm tám mươi ba đồng*).

Về chi phí tố tụng trong vụ án tổng cộng là 5.230.000 đồng (*năm triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng)*; do nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên ông Trần Văn D, bà Phạm Thị Bé H và ông Trần Văn T2 có nghĩa vụ liên đới hoàn lại cho ông P, bà T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Tuyết